TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **107**/2024/HS-ST
Ngày 29 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Cao Đức – Chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8.

2. Bà Nguyễn Thị Kính – Cán bộ hưu trí Phường 13, Quận 8.

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Ông Nguyễn Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh H; sinh ngày 18/6/2006; tại Vĩnh Long (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 03 tháng 24 ngày); nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: 54A ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Hùng M và bà Nguyễn Thanh T (Nguyễn Thị Thanh T); tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2023 đến nay. (có mặt)

2. Nguyễn Phước Đ; sinh ngày 14/3/2005; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: E, Tổ E, Ấp E, xã Đ, huyện B, Thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh P và bà Lê Ngọc T1; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2023 đến nay. (có mặt)

3. Nguyễn Trọng H1; sinh ngày 26/4/2008; tại Thành phố Hồ Chí Minh (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 15 tuổi 05 tháng 16 ngày); nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: 1414/10/18 P, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;

tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị Ngọc A và cha (Không rõ); tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2023 đến nay. (có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo* Nguyễn Thanh H2*:* Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982; là mẹ ruột của bị cáo. (có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo* Nguyễn Trọng H3*:* Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1992; là mẹ ruột của bị cáo. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Thanh H2*:* Ông Chung Ngọc T2, sinh năm 1977 - Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Trọng H3*:* Ông Huỳnh Khắc T3, sinh năm 1976 – Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H (có mặt)

- *Bị hại:* Chị Trần Ngọc Quế H4, sinh năm 1988; nơi cư trú: A L, Ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh H2, Nguyễn Phước Đ1 và Nguyễn Trọng H3 có mối quan hệ bạn bè từ trước. Khoảng 07 giờ, ngày 12/10/2023, H2 gọi điện thoại qua ứng dụng Messenger rủ Đ1 đi trộm cắp tài sản thì Đ1 đồng ý. H2 mượn xe máy hiệu Wave, không gắn biển số của người bạn tên C (không rõ lai lịch) đi đến tiệm Internet (địa chỉ: E ấp E, xã P, huyện B) đón Đ1. H2 chở Đ1 đi tìm tài sản để trộm nhưng không được nên cả hai quay về tiệm Internet nêu trên thì gặp H3 (tự là Bi A1). H2 nói với H3 "Đi ăn trộm không Bi A1", H3 đồng ý và ngồi lên phía sau Đ1 để H2 điều khiển xe chở cả 03 chạy theo hướng đường N về Phường G, Quận H. Khoảng 09 giờ 40 phút, ngày 12/10/2023, khi đi ngang trước số E đường C P, Phường G, Quận H, H3 phát hiện chị Trần Ngọc Quế H4 cùng chị Ngô Thị P1 đang ngồi trên xe gắn máy hiệu Lead màu đỏ, biển số: 59N2 – 285.19, chị H4 ngồi trước cầm điện thoại hiệu S S21 FE 5G màu đen trên tay nên H3 nói "Có người cầm điện thoại kìa quay lại đi anh". Nghe xong, H2 quay xe lại chạy đến bên cạnh chỗ chị H4 và chị P2 đang dừng xe, giảm tốc độ áp sát bên trái và dừng lại (xe vẫn nổ máy và cả 03 vẫn ngồi trên xe) rồi Đ1 ngồi giữa dùng tay phải giật chiếc điện thoại của chị H4. Khi Đ1 giật xong, H2 tăng ga chở cả 03 đến cửa hàng Đ2 (địa chỉ: A Quốc lộ E, xã P, huyện B) để mở khóa điện thoại. Cả 03 cùng vào tiệm nhưng chỉ có H2 nói chuyện với chị Nguyễn Thị Diễm T4. H2 nói với chị T4 là H2 quên mật khẩu điện thoại nên nhờ chị T4 mở giúp, chị T4 báo giá tiền công mở mật khẩu là 100.000 đồng và đến chiều H2 có thể ra lấy. Hòa đồng ý và nói Đ1 đưa điện thoại cho chị T4. Sau đó, H2 chở Đ1 và H3 về nhà rồi H2 cũng về nhà. Khoảng 10 giờ, ngày 13/10/2023, H2 rủ người bạn tên T5 (không rõ lai lịch) đến cửa hàng điện thoại Minh H5 gặp anh Đặng Minh T6 đang đứng trong quầy. H2 vào gặp anh T6 rồi nói cho H2 lấy điện thoại mở mật khẩu tên Đ1, anh T6 tìm trong rổ điện thoại rồi lấy ra đưa cho H2, H2 kiểm tra điện thoại thấy mật khẩu đã mở nên trả cho anh T6 100.000 đồng. Sau đó, H2 nói T5 chở H2 đến cửa hàng điện thoại di động Ngọc L (địa chỉ: B, ấp B, xã P, huyện B) gặp anh Nguyễn Ngọc L. H2 nói với anh L là H2 cần bán điện thoại của mẹ H2 để lấy tiền trả

tiền phòng trọ. Sau khi kiểm tra điện thoại, anh L đồng ý mua với giá 3.000.000 đồng. H2 nhận tiền xong thì T5 chở H2 về đầu hẻm nhà T5 rồi T5 xuống xe đi đâu không rõ. Đến tối cùng ngày, H2 mượn xe của người bạn tên M (không rõ lai lịch) đến nhà Đ1 và đưa cho Đ1 500.000 đồng. Sau đó, H2 qua nhà H5 và đưa cho H5 500.000 đồng. Do H2 chỉ nói với Đ1 và H5 số tiền bán điện thoại cướp giật được là 2.000.000 đồng nên H2 chia cho Đ1 và H5 mỗi người 500.000 đồng. Phần của H2 là 500.000 đồng và còn lại 500.000 đồng thì cả 03 cùng tiêu xài hết. Sau khi có tiền thì H2, H5 và Đ1 đã tiêu xài cá nhân hết. Riêng chiếc xe máy dùng làm phương tiện cướp giật tài sản, H2 đã trả lại cho C khi C đến nhà trọ của H2. Bị cướp giật tài sản, chị H4 đến Công an Q1 trình báo. Đến ngày 15/10/2023, H2, H5 và Đ1 bị mời về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 để làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Đ1, H2 và H5 cùng khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Theo bản Kết luận định giá tài sản số 16/KL- HĐĐGTS ngày 21/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản Quận H xác định điện thoại Samsung Galaxy S21 FE 5G màu đen, dung lượng 128GB có giá trị hiện tại là 4.500.000 đồng.

Ngày 19/10/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q1 ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Phước Đ1, Nguyễn Thanh H2 và Nguyễn Trọng H3 về hành vi "Cướp giật tài sản" theo Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Chị T4 và anh T6 khai khi được H2 nhờ mở mật khẩu chiếc điện thoại hiệu S S21 FE 5G không biết tài sản do phạm tội mà có.

Anh L khai khi mua chiếc điện thoại hiệu S Galaxy S21 FE 5G không biết tài sản do phạm tội mà có nên đã giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1. Anh L1 không có yêu cầu bồi thường dân sự.

Việc tạm giữ, xử lý vật chứng:

- 01 (một) USB ghi nhận hình ảnh vụ cướp giật tài sản do chị Chương Dương Ngọc H6 cung cấp.

- 01 (một) áo thun màu đen ngắn tay, 01 (một) quần thun dài màu đen, 01 (một) đôi dép của Nguyễn Phước Đ1.

- 01 (một) nón bảo hiểm nhựa màu trắng, 01 (một) nón bảo hiểm nhựa màu đen và 01 (một) áo sơ mi dài tay màu đen của Nguyễn Thanh H2.

- 01 (một) điện thoại hiệu S S21 FE, màu đen do anh Nguyễn Ngọc L giao nộp. Quá trình điều tra xác định, điện thoại này là tài sản của chị Trần Ngọc Quế H4 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả chiếc điện thoại trên cho chị H4.

Tại bản Cáo trạng số 97/CT-VKS-Q8 ngày 02/4/2024 Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh H2, Nguyễn Phước Đ1 và Nguyễn Trọng H3 về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thanh H2, Nguyễn

Phước Đ1 và Nguyễn Trọng H3 về tội "Cướp giật tài sản". Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị như sau:

* Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 91, Điều 101, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H2 từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Phước Đ1 từ 04 năm đến 05 năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng H3 từ 02 năm đến 03 năm tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo thun màu đen ngắn tay, 01 (một) quần thun dài màu đen, 01 (một) đôi dép của Nguyễn Phước Đ1; 01 (một) nón bảo hiểm nhựa màu trắng, 01 (một) nón bảo hiểm nhựa màu đen và 01 (một) áo sơ mi dài tay màu đen của Nguyễn Thanh H2.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh H2 trình bày quan điểm bào chữa như sau: Thống nhất với tội danh và điều khoản mà Viện Kiểm sát truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thanh H2. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cần xem xét để được khoan hồng như: Khi phạm tội, bị cáo Nguyễn Thanh H2 là người chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức chưa đúng đắn, đầy đủ; bị cáo dang dở việc học hành từ rất sớm nên nhận thức thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ lo mưu sinh mà không có thời gian quan tâm, giáo dục bị cáo, dẫn đến việc tụ tập bạn bè rồi vi phạm pháp luật; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về lỗi lầm của mình gây ra. Tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi để trả cho bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 91, 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét quyết định mức hình phạt khoan hồng nhất, cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và sớm hòa nhập cộng đồng, làm công dân có ích cho xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng H3 trình bày quan điểm bào chữa như sau: Thống nhất với tội danh và điều khoản mà Viện Kiểm sát truy tố đối với bị cáo Nguyễn Trọng H3. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cần xem xét để được khoan hồng như: Khi phạm tội, bị cáo Nguyễn Trọng H3 là người chưa đủ 16 tuổi nên nhận thức chưa đúng đắn, đầy đủ; bị cáo dang dở việc học hành từ rất sớm nên nhận thức thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo không biết mặt cha; mẹ bị cáo vì lo mưu sinh mà không quan tâm, giáo dục bị cáo dẫn đến việc tụ tập bạn bè rồi vi phạm pháp luật; bị cáo vì nghe lời rủ rê, xúi giục mà tụ tập đi cướp giật tài sảnbị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về lỗi lầm của mình gây ra. Tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi để trả cho bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, s khoản 1, khoản

2 Điều 51, các Điều 91, 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét quyết định mức hình phạt khoan hồng nhất, cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và sớm hòa nhập cộng đồng, làm công dân có ích cho xã hội.

Người đại diện hợp pháp của các bị cáo Nguyễn Thanh H2 và Nguyễn Trọng H3 không bổ sung ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt khoan hồng nhất, cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và sớm hòa nhập cộng đồng làm công dân có ích cho xã hội.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận; các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào khoảng 09 giờ 45 phút, ngày 12/10/2023, tại trước số E Đường C P, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo Nguyễn Thanh H2, Nguyễn Phước Đ1 và Nguyễn Trọng H3 có hành vi sử dụng xe mô tô làm phương tiện để công khai nhanh chóng chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động hiệu S S21 FE 5G màu đen của chị Trần Ngọc Q Hương trị giá 4.500.000 đồng, rồi nhanh chóng tẩu thoát.

[3] Các bị cáo điều khiển xe máy để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, nên hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp *"Dùng thủ đoạn nguy hiểm"*. Đây là tình tiết, định khung hình phạt của tội "Cướp giật tài sản".

[4] Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội "Cướp giật tài sản" như sau:

"1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng."

[5] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[7] Trong vụ án, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm. Các bị cáo bộc phát nhất thời, không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau nên không thuộc trường hợp có tổ chức. Bị cáo H2 là người rủ rê các bị cáo còn lại đi cướp giật tài sản, là người điều khiển phương tiện trực tiếp chở 02 bị cáo Đ1, H3 để cho Đ1 trực tiếp chiếm đoạt tài sản của bị hại; H3 là người tìm kiếm phát hiện người có tài sản để H2 tiếp cận. Vai trò và hành vi của bị cáo H2 là người chủ động, tích cực nên có tính chất, mức độ nguy hiểm hơn so với hành vi của 02 bị cáo còn lại. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét, quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, vai trò từng bị cáo.

[8] Bị cáo Nguyễn Thanh H2 rủ rê, xúi giục bị cáo Nguyễn Trọng H3 là người dưới 18 tuổi tham gia phạm tội. Do đó, hành vi của bị cáo H2 kể trên thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự "*xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*" theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[9] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội "Cướp giật tài sản" là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại và bị hại có đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

[10] Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Nguyễn Thanh H2 là người dưới 18 tuổi, bị cáo Nguyễn Trọng H3 phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi, do đó Hội đồng xét xử áp dụng các điều 91, 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thanh H2, Nguyễn Trọng H3.

[11] Về hình phạt bổ sung, do các bị cáo Nguyễn Thanh H2, Nguyễn Trọng H3 phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H2 và H3.

[12] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo Nguyễn Phước Đ1 tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo Nguyễn Phước Đ1 là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Phước Đ1.

[13] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S21 FE 5G màu đen đã được Cơ quan điều tra xử lý bằng hình thức trả lại cho chị Trần Ngọc Quế H4. Chị H4 không có ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến việc tạm giữ, xử lý vật chứng này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Dữ liệu điện tử: 01 (một) USB lưu trữ dữ liệu hình ảnh vụ án được lưu kèm hồ sơ nên cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Các vật chứng tạm giữ của các bị cáo: 01 (một) áo thun màu đen ngắn tay, 01 (một) quần thun dài màu đen, 01 (một) đôi dép của Nguyễn Phước Đ1. 01 (một) nón bảo hiểm nhựa màu trắng, 01 (một) nón bảo hiểm nhựa màu đen và 01 (một) áo sơ mi dài tay màu đen của Nguyễn Thanh H2. Đây là các vật dụng mà các bị cáo sử dụng khi đi cướp giật, xét không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[15] Đối với Nguyễn Thị Diễm T4, Đặng Minh T6, Nguyễn Ngọc L, quá trình điều tra xác định T4, T6, L không biết điện thoại trên là tài sản do phạm tội mà có nên nên Cơ quan điều tra Công an Q1 không xử lý là phù hợp quy định pháp luật.

[16] Về trách nhiệm dân sự: chị Trần Ngọc Quế H4 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[17] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại các điều 23, 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo Nguyễn Thanh H2 và Nguyễn Phước Đ1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Trọng H3 phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi nên thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H2 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, về tội "Cướp giật tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/10/2023.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước Đ1 04 (bốn) năm tù, về tội "Cướp giật tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/10/2023.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng H3 02 (hai) năm tù, về tội "Cướp giật tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/10/2023.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) áo thun màu đen ngắn tay, 01 (một) quần thun dài màu đen, 01 (một) đôi dép.

- 01 (một) nón bảo hiểm nhựa màu trắng, 01 (một) nón bảo hiểm nhựa màu đen và 01 (một) áo sơ mi dài tay màu đen.

(Theo Biên bản giao - nhận tang tài vật ngày 27/5/2024).

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Thanh H2, Nguyễn Phước Đ1 nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo; người đại diện hợp pháp của các bị cáo Nguyễn Thanh H2, Nguyễn Trọng H3; người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thanh H2, Nguyễn Trọng H3 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND Quận 8;
- VKSND TP.HCM;
- CQ ĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TAND TP.HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phúc